

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27/7/2022
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **HUỲNH VĂN THANH**

Bà **NGUYỄN THỊ KIM HẠNH**

- Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG** – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay,
tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý:
202/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2022/QĐXXST-
HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ TỐ D**, sinh năm 1983. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Th, huyện C, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh **NGUYỄN VĂN Q**, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 21/3/2022, trong quá trình giải
quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tố D trình bày:

Do quen biết chị và anh Nguyễn Văn Q xác lập quan hệ hôn nhân vào
năm 2007, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát
sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên
cãi vã, anh chị ly thân từ tháng 11/2021 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quang V sinh ngày
16/6/2007 và Nguyễn Thị Trúc Q sinh ngày 05/3/2009, hiện nay các cháu do chị

D trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Con chung chị yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tố D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Xét thấy, bị đơn anh Nguyễn Văn Q cư trú: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T. Do đó, tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị D và anh Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Tố D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Q nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, chị Nguyễn Thị Tố D và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 129 vào ngày 19/11/2007 tại Quyển số I/2007, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị D yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Q vì cho rằng, trong quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, khi chị D có đơn xin ly hôn, tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh Q nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được

triệu tập hợp lệ. Điều đó cho thấy anh Q đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị D. Xét thấy, tình cảm vợ chồng anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh Q là phù hợp.

[3] **Về con chung:** Chị D, anh Q có 02 con chung tên Nguyễn Quang V sinh ngày 16/6/2007 và Nguyễn Thị Trúc Q sinh ngày 05/3/2009 do chị D nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh, chị ly thân đến nay, các cháu sống với chị D, mặt khác cháu V và cháu Q có văn bản trình bày ý kiến mong muốn sống với chị D khi cha mẹ ly hôn, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý cũng như đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của các cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Vinh, Quyên cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng:** Chị D không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử xét không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Tố D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Tố D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Quang V sinh ngày 16/6/2007 và Nguyễn Thị Trúc Q sinh ngày 05/3/2009 cho chị D nuôi dưỡng.

Anh Q được quyền tới trông nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tố D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016001 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã T
- H. C, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kim Ngọc